

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2020/DS-PT

Ngày: 18-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài
sản, đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán:

Bà Trương Thị Bích Thủy

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Hòa – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 314/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng thuê tài sản, đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2020/DS-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 361/2020/QĐPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Hoàng Đình S, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số nhà 169, đường Nguyễn Trung T, khóm 5, phường 11, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của anh S là anh Trần Huỳnh V, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số nhà 1208/11, tổ 04, khóm 01, phường 11, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2019).

2. *Bị đơn*: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 2112, tổ 38, khóm 04, phường 11, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 2112, tổ 38, khóm 4, phường 11, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo*: Anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Hoàng Đình S (có anh Trần Huỳnh V là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Vào ngày 07/3/2017 anh S và anh Đ có thỏa thuận cho anh Đ thuê tài sản là 01 căn nhà cấp 4 và 09 phòng trọ tại số 1828, Quốc lộ 30, tổ 35, khóm 4, phường 11, thành phố CL, Đồng Tháp. Anh S và anh Đ thỏa thuận về thời hạn thuê, giá thuê nhà và anh S cũng đồng ý cho anh Đ sửa chữa lại căn nhà để anh Đ kinh doanh.

Đến ngày 17/3/2017 anh S và anh Đ có ký kết hợp đồng thuê tài sản, thời hạn thuê là 05 năm, kể từ ngày 16/3/2017 đến ngày 16/3/2022, giá thuê 01 năm đầu là 4.000.000đ/tháng, chia làm 2 kỳ, kỳ đầu đưa trước 04 tháng, kỳ 2 sau khi hết 04 tháng đầu vào ngày 16/7/2017 đưa tiếp 08 tháng còn lại. Đến 04 năm sau giá 5.000.000đ/tháng chia làm 02 kỳ, kỳ đầu vào ngày 16/3 hàng năm đưa trước 06 tháng, kỳ 02 sau khi hết kỳ đầu vào ngày 16/9 hàng năm đưa tiếp 06 tháng còn lại, phương thức thanh toán bằng tiền mặt, mục đích thuê để kinh doanh.

Đến năm thứ ba là vào ngày 16/3/2019, anh S có yêu cầu anh Đ thanh toán theo hợp đồng cho kỳ thứ nhất của năm thứ ba thì anh Đ nói có ý định hủy hợp đồng thuê không tiếp tục thuê nữa và anh Đ nói là ở và sử dụng đến khi nào anh di dời đi sẽ thanh toán đúng theo số tiền thuê tương ứng tại thời điểm anh di dời đi, mỗi tháng anh Đ sử dụng vẫn thanh toán số tiền là 5.000.000đ/tháng.

Đến ngày 24/5/2019, anh Đ báo với anh S là di dời và trả lại tài sản cho anh S và hủy hợp đồng thuê tại thời điểm này, anh S có yêu cầu anh Đ thanh toán phần tiền thuê còn nợ từ ngày 17/3/2019 đến ngày 24/5/2019 là 02 tháng 7 ngày, mỗi tháng 5.000.000đ/tháng với số tiền là 11.166.000đ nhưng anh Đ không thanh toán, anh S đã nhiều lần yêu cầu anh Đ trả số tiền trên nhưng anh Đ không trả. Đến tháng 5/2019, chị Trang có đưa cho anh S số tiền 1.000.000đ đây là tiền khách thuê nhà trọ. Anh S đồng ý trừ số tiền 1.000.000đ vào số tiền hiện anh Đ còn nợ tiền thuê nhà của anh S.

Đối với yêu cầu của anh Đ yêu cầu anh S trả lại giá trị của 01 bộ cửa kính khung sắt thì anh S không đồng ý vì trước khi ký hợp đồng anh S và anh Đ đã có thỏa thuận cho anh Đ lắp 01 bộ cửa kính khung sắt. Căn cứ vào điểm e, khoản 2 Điều 6 của hợp đồng thuê tài sản thì nằm trong điều khoản của hợp đồng nên anh S không đồng ý trả giá trị của bộ cửa kính khung sắt cho anh Đ. Việc anh Đ chấm dứt hợp đồng là do anh Đ kinh doanh không tốt, việc này anh S cũng biết nên anh S đồng ý cho anh Đ chấm dứt hợp đồng. Nay anh S yêu cầu anh trả số tiền thuê nhà còn thiếu là 10.000.000đ.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Vào ngày 07/3/2017, anh và anh S và có thỏa thuận cho anh thuê 01 căn nhà cấp 4 và 09 phòng trọ tại số 1828, Quốc lộ 30, tổ 35, khóm 4, phường 11, thành phố CL để cho vợ anh là chị Nguyễn Thị Thu Tr kinh doanh quán nước giải khát.

Đến ngày 17/3/2017, anh dọn đồ đến quán để kinh doanh và hai bên có ký kết hợp đồng thuê tài sản là 01 căn nhà cấp 4 và 09 phòng trọ, thời hạn thuê là 05 năm kể từ ngày 16/3/2017 đến ngày 16/3/2022, giá thuê 01 năm đầu là 4.000.000đ/tháng, chia làm 2 kỳ, kỳ đầu đưa trước 04 tháng, kỳ 2 sau khi hết 04 tháng kỳ đầu vào ngày 16/7/2017 đưa tiếp 08 tháng còn lại. Đến 04 năm sau giá là 5.000.000đ/tháng chia làm 02 kỳ, kỳ đầu vào ngày 16/3 hàng năm đưa trước 06 tháng, kỳ 02 sau khi hết kỳ đầu vào ngày 16/9 hàng năm đưa tiếp 06 tháng còn lại, phương thức thanh toán bằng tiền mặt, mục đích thuê để kinh doanh.

Trước khi thuê nhà được sự đồng ý của anh S, anh đã làm thêm nền sân xi măng phía trước nhà với số tiền khoảng 3.000.000đ, sơn mới bộ cửa sắt với số tiền 500.000đ và lắp đặt 01 bộ cửa kính khung sắt với chi phí là 8.000.000đ.

Đến cuối năm 2018, anh nhận thấy nhà trọ khó cho thuê nên có ý muốn chỉ thuê căn nhà cấp 4 để kinh doanh, còn dãy nhà trọ trả lại cho anh S để giảm chi phí nhưng anh S không đồng ý.

Đến tháng 3/2019, vì tình hình kinh doanh không được tốt, dãy nhà trọ chỉ có 02 phòng có khách thuê nên anh Đ có ý định trả lại căn nhà và dãy nhà trọ cho anh S. Anh S có hứa cho anh ở thêm 02 tháng không tính tiền thuê nhà và anh S được sử dụng 01 bộ cửa kính khung sắt. Anh đã ở từ ngày 17/3/2019 đến

ngày 24/5/2019 thì chuyển đi nơi khác và chưa thanh toán tiền thuê nhà cho anh S. Nay anh không đồng ý trả cho anh S số tiền 10.000.000đ. Anh có yêu cầu anh S trả lại giá trị của bộ cửa kính khung sắt 04 cánh ngang 50cm, cao 273cm, kính dày khoảng 6mm theo giá mà Hội đồng định giá đã định số tiền là 5.628.000đ vì anh cho rằng bộ cửa lắp đặt có trước khi ký hợp đồng và không phải là phần xây dựng theo như điểm e, khoản 2 Điều 6 của hợp đồng thuê tài sản ngày 17/3/2019 mà hai bên đã ký kết.

Đối với phần anh xây dựng thêm là nền sân xi măng phía trước nhà và sơn mới bộ cửa sắt thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vì đây là phần xây dựng nằm trong hợp đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu Tr trình bày:

Trước khi ký hợp đồng, chị Tr trực tiếp đi gặp anh S và hỏi thuê căn nhà mặt tiền để kinh doanh quán giải khát nhưng anh S không đồng ý vì nếu thuê thì phải thuê luôn căn nhà mặt tiền và dãy phòng trọ phía sau. Khi chị Tr đi chỉ thỏa thuận bằng miệng với anh S thì chị thỏa thuận giá thuê nhà hàng tháng là 4.000.000đ/tháng nhưng anh S lại thỏa thuận nếu thuê với giá 4.000.000đ/tháng thì cho thuê 02 năm đầu còn 03 năm sau thì theo giá thị trường nhưng chị Trang không đồng ý. Sau đó anh S thỏa thuận giá 01 năm đầu giá 4.000.000đ/tháng và 04 năm sau là 5.000.000đ/tháng và chị Tr đã đồng ý với giá anh S đã thỏa thuận. Do chị Tr đi dự hội nghị về việc mua bán Bảo hiểm tại khách sạn Sông Trà nên mới quen biết anh S, do có quen biết nên anh S đồng ý cho chị Tr dọn đồ đến trước còn ký hợp đồng sau. Tại phiên tòa chị Tr trình bày anh Đ là người đi thỏa thuận với anh S và chị Tr cũng không biết giữa anh S và anh Đ có thỏa thuận như thế nào. Sau khi anh Đ thỏa thuận được với anh S thì anh Đ có sửa chữa lại căn nhà là làm thêm nền sân xi măng phía trước nhà với số tiền khoảng 3.000.000đ, sơn mới bộ cửa sắt với số tiền 500.000đ và lắp đặt 01 bộ cửa kính khung sắt với chi phí là 8.000.000đ.

Đến ngày 17/3/2017, chị Trang nói với anh Đ gặp anh S để ký hợp đồng thuê nhà. Sau khi thuê nhà thì chị Tr ở để kinh doanh quán nước giải khát và chị Tr là người trực tiếp đóng tiền thuê nhà hàng tháng theo hợp đồng cho anh S.

Chị Tr đóng tiền thuê nhà bắt đầu từ ngày 17/3/2017 nhưng sau đó quán kinh doanh không tốt nên chị Tr ở đến ngày 24/5/2019 thì chị Tr chuyển đi nơi khác. Chị Tr thừa nhận từ ngày 17/3/2019 đến ngày 24/5/2019 vẫn chưa thanh toán tiền thuê nhà cho anh S. Nay chị Tr không yêu cầu gì đối với anh S.

Tại bản án số: 28/2020/DSST ngày 16/6/2020 của Tòa án thành phố CL tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đình S yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ trả tiền thuê nhà với số tiền 10.000.000đ.

2. Buộc anh Nguyễn Văn Đ trả cho anh Hoàng Đình S số tiền 10.000.000đ.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Đ yêu cầu ông S trả lại giá trị bộ cửa kính khung sắt với giá 5.628.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 800.000đ, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng số tiền là 300.000đ, anh Đ phải nộp thêm số tiền là 500.000đ.

Hoàn trả cho anh Hoàng Đình S số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005200 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu số tiền 900.000đ, anh Đ đã nộp xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/6/2020 anh Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm xử, anh yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của anh buộc anh S hoàn trả cho anh giá trị bộ cửa kính khung sắt 5.628.000đ, anh đồng ý trừ vào khoản tiền thuê nhà, còn lại bao nhiêu anh đồng ý trả cho anh S.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện cho anh Đ vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, anh Đ có đơn kháng cáo. Xét yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 07/3/2017, anh S và anh Đ, chị Tr có thỏa thuận với nhau là anh S cho anh Đ thuê 01 căn nhà cấp 4 và 09 phòng trọ tại số nhà 1828, Quốc lộ 30, tổ 35, khóm 4, phường 11, thành phố CL, trước khi ký kết hợp đồng hai bên có thỏa thuận là anh S đồng ý cho anh Đ sửa chữa lại căn nhà. Sau khi hai bên thống nhất thì anh Đ tiến hành sửa chữa căn nhà phía trước. Đến ngày 17/3/2017 anh S và anh Đ mới ký kết hợp đồng thuê tài sản và anh Đ dọn đến ở để kinh doanh bán quán nước giải khát và cho thuê nhà trọ. Thời hạn thuê theo hợp đồng ký kết là 05 năm kể từ ngày 16/3/2017 đến ngày 16/3/2022, giá thuê 01 năm đầu là 4.000.000đ/tháng, chia làm 02 kỳ, kỳ đầu đưa trước 04 tháng, kỳ 02 sau khi hết 04 tháng đầu vào ngày 16/7/2017 đưa tiếp 08 tháng còn lại. Đến 04 năm sau giá là 5.000.000đ/tháng cũng chia làm 02 kỳ, kỳ đầu vào ngày 16/3 đưa trước 06 tháng, kỳ 02 sau khi hết kỳ đầu vào ngày 16/9 đưa tiếp 06 tháng còn lại, phương thức thanh toán là bằng tiền mặt.

Do kinh doanh không có hiệu quả nên đến ngày 24/5/2019, anh Đ báo với anh S là sẽ di dời đi không thuê nhà nữa và anh sẽ trả lại tài sản cho anh S và xin hủy hợp đồng thuê tại thời điểm này, anh S cũng đồng ý chấm dứt hợp đồng theo yêu cầu của anh Đ và anh S yêu cầu anh Đ phải thanh toán phần tiền thuê nhà còn nợ lại từ ngày 17/3/2019 đến ngày 24/5/2019 là 02 tháng 07 ngày, mỗi tháng 5.000.000đ với số tiền là 11.166.000đ, nhưng anh Đ không chịu thanh toán, anh S đã nhiều lần yêu cầu anh Đ trả số tiền trên nhưng anh Đ không trả, sau đó chị Tr có đưa cho anh 1.000.000đ, nay anh thống nhất yêu cầu anh Đ trả lại cho anh 10.000.000đ tiền thuê nhà còn thiếu.

[2] Anh Đ cho rằng trước khi ký kết hợp đồng thuê nhà vào ngày 07/3/2017 được sự đồng ý của anh S, nên anh mới thuê người lắp đặt bộ cửa kính khung sắt với chi phí là 8.000.000đ, làm thêm nền sân xi măng phía trước nhà với số tiền khoảng 3.000.000đ và sơn mới bộ cửa sắt với số tiền 500.000đ, nên anh Đ có yêu cầu anh S phải trả lại giá trị của bộ cửa kính khung sắt 04 cánh ngang 50cm, cao 273cm, kính dày khoảng 6mm theo giá của Hội đồng định giá đã định số tiền là 5.628.000đ.

Anh S không đồng ý theo yêu cầu của anh Đ với lý do trước khi ký kết hợp đồng hai bên cũng đã thống nhất, nên anh Đ mới sửa chữa sân, sơn mới lại cửa sắt và lắp đặt thêm bộ cửa kính khung sắt 04 cánh để khi hai bên ký kết hợp đồng thuê tài sản ngày 17/3/2017 là anh Đ đưa vào hoạt động kinh doanh. Việc

anh Đ cho rằng theo khoản 3 Điều 11 của hợp đồng ký kết thuê tài sản ngày 17/3/2017 thì hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký kết, còn bộ cửa anh lắp đặt trước là phần lắp đặt không phải là phần xây dựng theo như tại điểm e khoản 2 Điều 6 của hợp đồng mà hai bên đã ký kết thỏa thuận nên anh Đ yêu cầu anh S trả lại giá trị của bộ cửa kính khung sắt theo giá của Hội đồng định giá đã định, nhưng anh cũng không có chứng cứ giấy tờ gì chứng minh có sự thỏa thuận việc lắp đặt thêm bộ cửa kính khung sắt 04 cánh nếu không còn thuê nhà nữa thì anh S phải trả lại cho anh, nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh Đ, chấp nhận yêu cầu của anh Sinh buộc anh Đ phải trả tiền thuê nhà còn lại cho anh S là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, xét án sơ thẩm xử là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa cụ thể, rõ ràng nên điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 400; Điều 472; Điều 473; Điều 474; Điều 481 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 28/2020/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố CL.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Đình S yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ trả tiền thuê nhà với số tiền 10.000.000đ.

4. Buộc anh Nguyễn Văn Đ trả cho anh Hoàng Đình S số tiền 10.000.000đ.

5. Không chấp nhận yêu cầu của anh Đ yêu cầu ông S trả lại giá trị bộ cửa kính khung sắt với giá 5.628.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 800.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0008010 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL, anh Đ phải nộp thêm số tiền là 500.000đ.

Hoàn trả cho anh Hoàng Đình S số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005200 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu số tiền 900.000đ, anh Đ đã nộp xong.

5. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0004860 ngày 30/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL (anh Đ đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Cao Lãnh;
- TAND TP. Cao Lãnh;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hội

